

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 6 - 2020

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Mộng Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh Xuân;

2. Ông Nguyễn Văn Lân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trương Bảo Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Nguyên Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế (Số 60 đường Nguyễn Huệ, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 94/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2020/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Kim Ủ, sinh năm 1995; địa chỉ: Số 03 đường Ủ, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt;

Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc H, sinh năm 1993; địa chỉ: Số 255 đường Điện B, phường Trường An, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/12/ 2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lê Thị Kim Ủ trình bày:

Chị và anh Nguyễn Quốc H tự nguyện kết hôn, đăng ký ngày 31-8-2012 tại Ủy ban nhân dân phường Trường An, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn, anh chị sống chung với bố mẹ chồng tại địa chỉ số 255 đường Điện Biên P, phường Trường An, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc cho đến khoảng năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H không chăm lo cho cuộc sống gia đình, không quan tâm đến vợ con,

từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng ngày một căng thẳng. Đến năm 2018, không thể chịu đựng được nữa, chị ly thân với anh H, về sống cùng cha mẹ đẻ cho đến nay mà không còn quan tâm gì đến nhau. Tình trạng mâu thuẫn kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn;

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Quốc T, sinh ngày 20-6-2012. Hiện nay cháu T đang ở với anh H. Sau ly hôn, chị đồng ý giao cháu T cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), do cháu T đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng ở với anh H. Chị Lê Thị Kim Ú tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ú xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Bị đơn- anh Nguyễn Quốc H, trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Về điều kiện và thời gian kết hôn như chị Lê Thị Kim Ú trình bày là đúng. Anh và chị Ú tự nguyện kết hôn và chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị Ú không chung thủy, không quan tâm, chăm sóc gia đình và tự ý bỏ đi từ năm 2018 cho đến nay mà không còn quan tâm hay liên lạc gì với anh. Nay chị Ú có yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý và đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng được đoàn tụ do anh vẫn còn tình cảm yêu thương vợ. Về con chung thì anh thừa nhận vợ chồng có 01 con chung như chị Ú đã trình bày. Nếu ly hôn thì anh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu cho đến khi thành niên; tiền cấp dưỡng nuôi con thì tùy theo ý của chị Ú. Về tài sản chung và nợ chung: Anh xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết;

Sau khi thụ lý vụ án, vào ngày 10-3-2020 Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, sau khi kết thúc phiên họp và ghi nhận ý kiến của các bên đương sự thì anh H tự ý bỏ về, không ký vào biên bản. Tòa án đã tổng đạt thông báo, giấy triệu tập anh H tham gia các phiên hòa giải sau đó nhưng anh H đều vắng mặt. Vì vậy, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa ngày 02-6-2020, anh H vắng mặt nên Tòa án đã quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý, Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng;

- Về việc giải quyết vụ án: Vợ chồng chị Ú, anh H kết hôn hợp pháp, đã có 01 con chung là cháu Nguyễn Quốc T. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ những xung đột, nghi ngờ trong quan hệ vợ chồng dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt; hai bên đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay mà không có hướng khắc phục. Anh H có nguyện vọng đoàn tụ nhưng không tham gia các phiên hòa giải

là không có thiện chí hàn gắn; cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không khắc phục được nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về con chung: Cháu Nguyễn Quốc T có nguyện vọng ở với ba; anh H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tiến, chị Ủ đồng ý giao con cho anh Huy trực tiếp nuôi dưỡng nên đề nghị giao cháu T cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Chấp nhận chị Ủ cấp dưỡng tiền nuôi con chung sau ly hôn là 1.500.000 đồng/ tháng.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để xử cho chị Ủ được ly hôn; giao cháu T cho anh H trực tiếp nuôi, chị Ủ cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/tháng; chị Ủ phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là tranh chấp về Hôn nhân gia đình, bị đơn là anh Nguyễn Quốc H có địa chỉ cư trú tại thành phố Huế nên Tòa án nhân dân thành phố Huế thụ lý là đúng pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Kim Ủ và anh Nguyễn Quốc H được Ủy ban nhân dân phường Trường An, thành phố Huế cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 31-8-2012, nên xác định quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu ly hôn, thấy rằng: Theo kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ đủ cơ sở xác định nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn xuất phát từ những bất đồng quan điểm trong cuộc sống mà chị Ủ và anh H không tự giải quyết được. Từ đó, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn, hai bên đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay mà không có hướng khắc phục. Hiện tại, hai bên không còn quan tâm đến nhau, không thể hiện nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình là cả hai đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập tham gia hòa giải nhưng anh H không đến, chứng tỏ anh Huy không có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng. Quan hệ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài.

Căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận cho chị Ủ được ly hôn như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở.

[4] Về con chung: Chị Ủ và anh H có 01 con chung tên là Nguyễn Quốc T, sinh ngày 20/6/2012. Xét cháu T đã ở với anh H lâu nay và cháu có nguyện vọng được ở với ba nếu ba mẹ ly hôn; chị Ủ cũng chấp thuận. Vì vậy, để bảo đảm ổn định cuộc sống, việc học tập và quyền lợi mọi mặt, cần giao cháu T cho anh H

trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên như yêu cầu của anh H và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

Chị Ủ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Ủ có ý kiến cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đồng/tháng; anh H không có ý kiến gì, xét mức cấp dưỡng này là phù hợp với điều kiện kinh tế của chị Ủ nên cần chấp nhận.

[6] Tài sản và nghĩa vụ về tài sản: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử :

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – chị Lê Thị Kim Ủ:

Chị Lê Thị Kim Ủ được ly hôn với anh Nguyễn Quốc H

2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Nguyễn Quốc T, sinh ngày 20-6-2012 cho anh Nguyễn Quốc H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi ly hôn đến khi cháu trưởng thành (Đủ 18 tuổi); chị Lê Thị Kim Ủ có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nguyễn Quốc T đủ 18 tuổi.

Chị Lê Thị Kim Ủ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị Kim Ủ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2013/009603 ngày 26 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế; chị Ủ còn phải nộp 300.0000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm

2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- CCTHADS thành phố Huế;
- UBND phường Trường An;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA;
- Lưu: AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Mộng Trinh